

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU,  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2021

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Thanh Quốc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Bà Trần Thị Mỹ Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đình Chương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Tuyết N, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Ấp N, thị t, huyện H, tỉnh B . (Có mặt).

Bị đơn: Anh Phan Hiếu D, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trương Tuyết N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Phan Hiếu D kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngan Dừa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 21/02/2017, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi, chị và anh D đã ly thân từ tháng 12/2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh D

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Phan Trương Khánh Q, sinh ngày 26/7/2017. Hiện con đang sống chung với chị.

Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị xác định anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Phan Hiếu D đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng anh D vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Hiếu D đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh D xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị N xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân phải được xây dựng và vun đắp từ hai phía, bằng tình nghĩa, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Nay chị N xác định chị không còn tình cảm với anh D nên chị không thể duy trì quan hệ hôn nhân với anh D cũng như không thể thực hiện các nghĩa vụ của một người vợ đối với chồng và thực tế chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 12/2020 đến nay. Mặc khác, để tạo điều kiện cho chị N và anh D hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D vẫn vắng mặt, điều này cho thấy anh D cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của chị N và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Chị N xác định anh chị có 01 người con chung tên Phan Trương Khánh Q, sinh ngày 26/7/2017, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con. Xét thấy, cháu Quỳnh còn nhỏ, là nữ và đang chung sống với chị N nên việc chị N yêu cầu tiếp tục được trực tiếp nuôi cháu Q là có cơ sở. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Tuyết N về việc ly hôn với anh Phan Hiếu D. Chị Trương Tuyết N được ly hôn với anh Phan Hiếu D.

2. Về con chung: Giao Phan Trương Khánh Q, sinh ngày 26/7/2017 cho Trương Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Phan Hiếu D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trương Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000639 ngày 23/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND thị trấn Ngan Dừa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Trương Thanh Quốc**

